

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ SƠN**

Số: **1460**/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quế Sơn, ngày **31** tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2021
của huyện Quế Sơn**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 95/NQ-HĐND ngày 16/12/2020 của Hội đồng nhân dân huyện Quế Sơn về quyết định dự toán thu, chi và phân bổ dự toán ngân sách Nhà nước năm 2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2021 của huyện Quế Sơn (theo các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

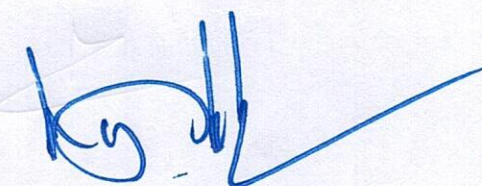
Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện; Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch huyện; Thủ trưởng các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Văn phòng Huyện ủy;
- Văn phòng HĐND&UBND huyện;
- Các phòng, ban thuộc UBND huyện;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Tòa án nhân dân huyện;
- Cơ quan của các đoàn thể ở huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu VT, Đăng trên cổng thông tin điện tử của huyện.

D:\THUAN\CONG KHAI NSNN\DU TOAN\2021\
Quyết định công khai DT NSNN 2021.doc

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đinh Nguyên Vũ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ SƠN**

Biểu số 81/CK-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2021

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2021
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH HUYỆN	477.321
I	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	82.543
-	Thu ngân sách huyện hưởng 100%	59.055
-	Thu ngân sách huyện hưởng từ các khoản thu phân chia	23.488
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	394.778
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	213.104
-	Thu bổ sung có mục tiêu	181.674
III	Thu kết dư	
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	477.321
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	477.321
1	Chi đầu tư phát triển	107.105
2	Chi thường xuyên	331.679
3	Chi dự phòng	5.204
4	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	28.106
5	Chi từ nguồn HĐND huyện giao tăng thu	5.227
II	Chi các chương trình mục tiêu	
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau	

**CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN
VÀ NGÂN SÁCH CẤP XÃ NĂM 2021**

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2021
A	NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN	
I	Nguồn thu ngân sách	568.557
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	82.543
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	486.014
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	262.528
-	Thu bổ sung có mục tiêu	223.486
3	Thu kết dư	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
II	Chi ngân sách	568.557
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện	477.321
2	Chi bổ sung ngân sách cấp dưới	91.236
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	49.424
-	Thu bổ sung có mục tiêu	41.812
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau	
B	NGÂN SÁCH CẤP XÃ	
I	Nguồn thu ngân sách	95.604
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	4.368
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	91.236
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	49.424
-	Thu bổ sung có mục tiêu	41.812
3	Thu kết dư	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
II	Chi ngân sách	95.604
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện	95.604
2	Chi chuyển nguồn sang năm sau	

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2021	
		Tổng số thu NSNN trên địa bàn	Thu ngân sách huyện
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	568.557	477.321
I	Thu nội địa	132.345	82.543
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý		
3	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	6.944	3.125
-	Thuế giá trị gia tăng	6.944	3.125
4	Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	2.251	1.013
-	Thuế giá trị gia tăng	1.893	852
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	358	161
5	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	55.769	30.773
-	Thuế giá trị gia tăng	33.128	12.583
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.009	3.604
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	84	38
-	Thuế tài nguyên	14.548	14.548
6	Thuế thu nhập cá nhân	6.945	3.125
7	Thuế bảo vệ môi trường		
8	Lệ phí trước bạ	13.585	13.585
9	Thu phí, lệ phí	4.990	3.077
10	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		
11	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	220	
12	Tiền cho thuê đất, mặt nước	3.400	3.400
13	Thu tiền sử dụng đất	33.200	22.000
14	Tiền cho thuê và bán nhà thuộc sở hữu nhà nước		
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	960	770
16	Thu khác ngân sách	3.580	1.675
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	500	
II	Thu viện trợ		

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN, CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2021

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Ngân sách địa phương	Bao gồm	
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI NS ĐỊA PHƯƠNG	572.925	477.321	95.604
A	CHI CÂN ĐỐI NS ĐỊA PHƯƠNG	572.925	477.321	95.604
I	Chi đầu tư phát triển	110.057	107.105	2.952
1	Chi đầu tư cho các dự án	110.057	107.105	2.952
	Trong đó: Chi theo lĩnh vực			
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
	Trong đó: Chi theo nguồn vốn			
-	Chi từ nguồn tiền sử dụng đất	16.500	16.500	
-	Chi từ nguồn thu xổ số kiến thiết	20.298	20.298	
2	Chi đầu tư phát triển khác			
II	Chi thường xuyên	415.653	331.679	83.974
	Trong đó:			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	162.305	162.045	260
2	Chi khoa học và công nghệ	400	400	
III	Chi dự phòng ngân sách	6.653	5.204	1.449
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	35.166	28.106	7.060
V	Chi từ nguồn HĐND huyện giao tăng thu	5.396	5.227	169
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU			
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	-		

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC NĂM 2021

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán
	TỔNG CHI NS ĐỊA PHƯƠNG	568.557
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NS CẤP DƯỚI	91.236
B	CHI NS CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC	477.321
I	Chi đầu tư phát triển	107.105
1	Chi đầu tư cho các dự án	52.803
-	Chi quốc phòng	-
-	Chi các hoạt động kinh tế	52.203
-	Chi y tế, dân số và gia đình	-
-	Chi đdandr bảo xã hội	-
-	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	600
2	Chi đầu tư phát triển khác	54.302
II	Chi thường xuyên	331.679
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	162.045
2	Chi khoa học và công nghệ	400
3	Chi quốc phòng	5.075
4	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	953
5	Chi y tế, dân số và gia đình	10.848
6	Chi văn hóa thông tin	2.497
7	Chi phát thanh, truyền hình	1.214
8	Chi thể dục thể thao	465
9	Chi bảo vệ môi trường	963
10	Chi các hoạt động kinh tế	60.601
11	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	33.554
12	Chi đảm bảo xã hội	51.982
13	Chi thường xuyên khác	1.082
III	Chi dự phòng ngân sách	5.204
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	28.106
V	Chi từ nguồn HĐND huyện giao tăng thu	5.227
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2021

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (không kể CT MTQG)	Chi thường xuyên (không kể CT MTQG)	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi từ nguồn HĐND huyện giao tăng thu
A	B	1	2	3	4	5	6
	TỔNG SỐ	568.557	110.057	411.454	6.653	35.166	5.227
I	Các cơ quan, tổ chức	466.890	107.105	331.679	-	28.106	-
1	VP HĐND - UBND	7.505		7.042		463	
2	Phòng Nội vụ	2.420		2.256		164	
3	Phòng LĐ-TB&XH	48.864		48.681		183	
4	Phòng NN&PTNT	1.215		1.051		164	
5	Thanh tra	657		555		102	
6	Phòng Tài chính - KH	1.248		1.074		174	
7	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	9.120	3.310	5.644		166	
8	Phòng Tài nguyên - MT	1.913		1.787		126	
9	Phòng Tư pháp	785		694		91	
10	Phòng VH-TT	1.003		894		109	
11	Phòng Y tế	463		410		53	
12	VP Điều phối NTM	30		30			
13	Phòng Giáo dục - Đào tạo	2.214		2.013		201	
14	Trung tâm KTNN	1.714		1.491		223	
16	Trung tâm VH-TT-TTTH	2.452		2.198		254	
17	Đội Quản lý trật tự xây dựng	1.243		1.151		92	
19	Ban QL các Dự án đầu tư	49.514	49.493	21			
21	Công an huyện	394		394			
22	Ban chỉ huy Quân sự huyện	4.825		4.825			
23	Văn phòng Huyện ủy	8.241		7.451		790	
24	UB Mặt trận TQVN huyện	2.086		1.889		197	
25	Huyện đoàn	674		617		57	
26	Hội Phụ nữ	1.154		1.025		129	
27	Hội Nông dân	885		786		99	
28	Hội Cựu chiến binh	403		350		53	
29	Hội Chữ thập đỏ	231		231			
30	Hội người mù	230		230			
32	Hội Nạn nhân CĐDC	125		125			
33	Hội người cao tuổi	191		191			
35	Hội tù yêu nước, Hội TNXP	105		105			
36	Hội Khuyến học, Cựu giáo chức	115		115			
37	Trường MG Xuân 1	2.896		2.479		417	
38	Trường MG Xuân 2	2.001		1.729		272	

Số TT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (không kể CT MTQG)	Chi thường xuyên (không kể CT MTQG)	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi từ nguồn HĐND huyện giao tăng thu
39	Trường MG Quế Phú	3.288		2.812		476	
40	Trường MG Hương An	2.371		2.080		291	
41	Trường MG Quế Mỹ	3.706		3.188		518	
42	Trường MG Quế Thuận	2.218		1.913		305	
43	Trường MG Quế Hiệp	1.484		1.284		200	
44	Trường MG Quế Châu	2.946		2.522		424	
45	Trường MG Quế Minh	1.749		1.509		240	
46	Trường MG Đông Phú	3.169		2.816		353	
47	Trường MG Quế An	1.506		1.303		203	
48	Trường MG Quế Phong	2.259		1.931		328	
49	Trường MG Quế Long	1.339		1.158		181	
50	Trường TH Xuân 1	4.485		3.777		708	
51	Trường TH Xuân 2	4.334		3.624		710	
52	Trường TH Quế Phú	5.448		4.556		892	
53	Trường TH Hương An	6.657		5.569		1.088	
54	Trường TH Quế Mỹ	7.686		6.435		1.251	
55	Trường TH Quế Thuận	3.826		3.200		626	
56	Trường TH Quế Hiệp	3.118		2.622		496	
57	Trường TH Quế Châu	4.946		4.143		803	
58	Trường TH Quế Minh	2.633		2.228		405	
59	Trường TH Đông Phú	5.412		4.519		893	
60	Trường TH Quế An	3.314		2.803		511	
61	Trường TH Quế Phong	4.713		3.945		768	
62	Trường TH Quế Long	2.693		2.260		433	
63	Trường THCS Quế Xuân	8.272		6.921		1.351	
64	Trường THCS Quế Phú	8.618		7.244		1.374	
65	Trường THCS Quế Mỹ 2	5.327		4.484		843	
66	Trường THCS Quế Mỹ 1	3.757		3.153		604	
67	Trường THCS Quế Thuận	4.348		3.665		683	
68	Trường THCS Quế Hiệp	3.399		2.851		548	
69	Trường THCS Quế Châu	5.706		4.772		934	
70	Trường THCS Quế Minh	3.778		3.168		610	
71	Trường THCS Đông Phú	6.176		5.249		927	
72	Trường THCS Quế An	3.964		3.321		643	
73	Trường THCS Quế Phong	3.862		3.227		635	
74	Trường THCS Quế Long	3.258		2.750		508	
75	Ngân sách tập trung	164.208	54.302	109.142		764	
II	Dự phòng ngân sách	5.204			5.204		
III	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	91.236	2.952	79.775	1.449	7.060	
IV	Chi từ nguồn HĐND huyện giao tăng thu	5.227					5.227

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2021

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự ATXH	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi đảm bảo xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG SỐ	110.057	-	-	-	-	-	-	-	-	-	55.155	8.610	46.545	600	-	-
I	Khối huyện	107.105	-	-	-	-	-	-	-	-	-	52.203	8.610	43.593	600	-	-
1	Phòng KTHH	3.310										3.310	3.310				
2	BQL các Dự án ĐT	49.493										48.893	5.300	43.593	600		
3	Ngân sách tập trung	54.302															
II	Khối xã	2.952	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.952	-	2.952	-	-	-
1	Xã Quế Phú	38										38		38			
2	Thị trấn Hương An	170										170		170			
3	Xã Quế Thuận	700										700		700			
4	Xã Quế Mỹ	220										220		220			
5	Xã Quế Hiệp	280										280		280			
6	Xã Quế Châu	98										98		98			
7	Xã Quế Long	266										266		266			
8	Xã Quế Phong	420										420		420			
9	Xã Quế An	760										760		760			

ĐVT: Triệu đồng

ĐVT: Triệu đồng

ĐVT: Triệu đồng

[illegible]

Số TT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi quản lý nhà nước, đăng, đoàn thể	Chi đảm bảo xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi			
66	Trường THCS Quế Mỹ 1	3.757	3.742												15		
67	Trường THCS Quế Thuận	4.348	4.333												15		
68	Trường THCS Quế Hiệp	3.399	3.384												15		
69	Trường THCS Quế Châu	5.706	5.691												15		
70	Trường THCS Quế Minh	3.778	3.763												15		
71	Trường THCS Đông Phú	6.176	6.161												15		
72	Trường THCS Quế An	3.964	3.949												15		
73	Trường THCS Quế Phong	3.862	3.847												15		
74	Trường THCS Quế Long	3.258	3.243												15		
75	Ngân sách tập trung	109.906	34.193		269	493	1.670	1.069	452	67	40	52.593			15	13.335	1.082
II	Khởi xā	91.034	782	-	744	1.231	260	1.802	357	848	1.717	10.306	-	-	53.898	18.770	319
1	Xā Quế Xuân 1	7.060	204		56	145	20	94	27	63	148	939			4.287	1.052	25
2	Xā Quế Xuân 2	7.206	145		56	61	20	94	27	66	109	931			3.920	1.751	25
3	Xā Quế Phú	8.692	131		61	66	20	103	30	72	142	1.002			4.707	2.329	28
4	Thị trấn Hương An	6.393	20		58	147	20	93	27	63	121	442			4.272	1.106	25
5	Xā Quế Mỹ	8.826	20		62	67	20	106	31	69	202	1.037			4.978	2.213	22
6	Xā Quế Thuận	7.002	20		56	61	20	90	26	59	111	790			4.128	1.617	24
7	Xā Quế Hiệp	6.578	20		56	61	20	298	27	63	91	789			3.795	1.336	23
8	Xā Quế Châu	7.399	20		56	61	20	96	27	66	151	972			4.262	1.642	26
9	Thị trấn Đông Phú	6.248	20		58	322	20	126	25	56	207	445			4.253	691	24
10	Xā Quế Minh	5.472	20		53	58	20	341	27	66	104	668			3.534	559	23
11	Xā Quế An	6.752	20		56	61	20	155	28	69	109	724			3.825	1.659	24
12	Xā Quế Long	6.541	82		56	61	20	93	27	66	107	835			3.916	1.255	23
13	Xā Quế Phong	6.864	60		56	61	20	116	28	69	114	732			4.022	1.559	26

DỰ TOÁN THU, SỐ BỔ SUNG VÀ DỰ TOÁN CHI CÁN ĐỐI NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM 2021
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu NSĐP được hưởng theo phân cấp	Chia ra			Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên	Số bổ sung thực hiện cải cách tiền lương	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	Tổng chi NSĐP
				Thu NSĐP hưởng 100%	Thu phân chia						
					Tổng số	Trong đó: Phần NSĐP được hưởng					
A	B	1	2=3+5	3	4	5	6	7	8	9	10= 2+6+7+8+9
1	Quế Xuân 1	7.194	451	167	630	284	3.896	2.396	451		7.194
2	Quế Xuân 2	7.336	311	68	539	242	3.734	2.962	329		7.336
3	Quế Phú	8.873	360	232	284	128	4.328	3.744	441		8.873
4	TT Hương An	6.707	666	160	1.125	506	3.495	2.190	356		6.707
5	Quế Mỹ	9.155	223	157	147	66	4.629	3.773	529		9.155
6	Quế Thuận	7.807	249	170	176	79	3.820	3.382	357		7.807
7	Quế Hiệp	6.968	153	117	79	35	3.660	2.846	310		6.968
8	Quế Châu	7.624	253	151	228	103	3.999	2.992	379		7.624
9	TT Đông Phú	6.414	1.175	416	1.685	758	3.100	1.761	379		6.414
10	Quế Minh	5.577	74	71	6	3	3.485	1.771	246		5.577
11	Quế An	7.627	139	113	58	26	3.747	3.441	300		7.627
12	Quế Phong	7.404	129	105	53	24	3.917	3.037	322		7.404
13	Quế Long	6.918	186	115	158	71	3.613	2.821	298		6.918
	Tổng cộng	95.604	4.368	2.043	5.166	2.325	49.424	37.115	4.697	-	95.604

**DỰ TOÁN CHI BỔ SUNG MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO
NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM 2021**

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	Bổ sung thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia
A	B	1=2+3+4	2	3	4
1	Quế Xuân 1	2.847	-	2.847	
2	Quế Xuân 2	3.291	-	3.291	
3	Quế Phú	4.185	38	4.147	
4	TT Hương An	2.546	170	2.376	
5	Quế Mỹ	4.302	220	4.082	
6	Quế Thuận	3.738	700	3.038	
7	Quế Hiệp	3.156	280	2.876	
8	Quế Châu	3.371	98	3.273	
9	TT. Đông Phú	2.140	-	2.140	
10	Quế Minh	2.017	-	2.017	
11	Quế An	3.741	760	2.981	
12	Quế Phong	3.359	420	2.939	
13	Quế Long	3.118	266	2.852	
	Tổng cộng	41.812	2.952	38.860	